

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **04** /2010/TT-BKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết lập Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu đối với gói thầu xây lắp thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này khi áp dụng hình thức chỉ định thầu trong nước. Trường hợp chỉ định thầu nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu xây lắp thì có thể sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định tại Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp này cho phù hợp.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Các gói thầu xây lắp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu, khoản 4 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, Điều 101 của Luật Xây dựng, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Các gói thầu xây lắp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu và các gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Đối với các gói thầu xây lắp thuộc các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định về đấu thầu trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết.

Điều 3. Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp

Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

- Chương I. Yêu cầu về chỉ định thầu
- Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
- Chương III. Biểu mẫu
- Chương IV. Giới thiệu dự án và gói thầu
- Chương V. Bảng tiên lượng
- Chương VI. Yêu cầu về tiến độ thực hiện
- Chương VII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật
- Chương VIII. Các bản vẽ

Phần thứ hai. Yêu cầu về hợp đồng

- Chương IX. Điều kiện của hợp đồng
- Chương X. Mẫu hợp đồng

Khi áp dụng Mẫu này, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà đưa ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Trong Mẫu này, những chữ *in nghiêng* là nội dung mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trường hợp sửa đổi, bổ sung vào phần in đứng của Mẫu này thì tổ chức, cá nhân lập hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu phải giải trình bằng văn bản và đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật về đấu thầu; chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2010.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của mình hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Thông tư này (nếu cần thiết) nhưng đảm bảo không trái với các quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, chỉnh lý./.

Nơi nhận: *Ph*

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (ĐA.320).

BỘ TRƯỞNG



Wuz
Võ Hồng Phúc

**MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU CHỈ ĐỊNH THẦU
XÂY LẮP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 04 /2010/TT-BKH
ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

HỒ SƠ YÊU CẦU CHỈ ĐỊNH THẦU
(tên gói thầu)
(tên dự án)
(tên chủ đầu tư)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

**Đại diện hợp pháp của tư vấn lập
HSYC (nếu có)**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt	4
Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với nhà thầu	5
Chương I: Yêu cầu về chỉ định thầu	5
Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất	13
Mục 1. TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.....	13
Mục 2. TCDG về mặt kỹ thuật.....	16
Chương III: Biểu mẫu	18
Mẫu số 1. Đơn đề xuất chỉ định thầu.....	18
Mẫu số 2. Giấy uỷ quyền.....	19
Mẫu số 3. Thoả thuận liên danh.....	20
Mẫu số 4. Bảng kê khai máy móc thiết bị thi công chủ yếu.....	22
Mẫu số 5. Bảng kê khai dụng cụ, thiết bị thí nghiệm kiểm tra tại hiện trường thi công.....	22
Mẫu số 6. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ.....	23
Mẫu số 7A. Danh sách cán bộ chủ chốt.....	24
Mẫu số 7B. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của cán bộ chủ chốt.....	24
Mẫu số 7C. Bản kê khai sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài.....	25
Mẫu số 8A. Biểu tổng hợp giá đề xuất.....	25
Mẫu số 8B. Biểu chi tiết giá đề xuất.....	26
Mẫu số 9A. Phân tích đơn giá đề xuất (đối với đơn giá xây dựng chi tiết).....	27
Mẫu số 9B. Phân tích đơn giá đề xuất (đối với đơn giá xây dựng tổng hợp).....	28
Mẫu số 10. Hợp đồng đang thực hiện của nhà thầu.....	29
Mẫu số 11. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện.....	30
Mẫu số 12. Tóm tắt về hoạt động của nhà thầu.....	31
Mẫu số 13. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu.....	32
Chương IV: Giới thiệu dự án và gói thầu	33
Chương V: Bảng tiên lượng	34
Chương VI: Yêu cầu về tiến độ thực hiện	35
Chương VII: Yêu cầu về mặt kỹ thuật	36
Chương VIII: Các bản vẽ	37
Phần thứ hai: Yêu cầu về hợp đồng	38
Chương IX: Điều kiện của hợp đồng	38
Chương X: Mẫu hợp đồng	48
Mẫu số 14. Hợp đồng.....	48
Mẫu số 15. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.....	52
Mẫu số 16. Bảo lãnh tiền tạm ứng.....	53

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
TCDG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
Luật sửa đổi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009
Nghị định 85/CP	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đông Việt Nam

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I
YÊU CẦU VỀ CHỈ ĐỊNH THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

1. Bên mời thầu _____ [*Ghi tên bên mời thầu*] mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án được duyệt*].

2. Thời gian thực hiện hợp đồng là: _____ ngày [*Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch đấu thầu được duyệt*], được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: _____ [*Ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu*].

Mục 2. Tính hợp lệ của vật tư, máy móc, thiết bị được sử dụng⁽¹⁾

1. Vật tư, máy móc, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của vật tư, máy móc, thiết bị; ký mã hiệu, nhãn mác (nếu có) của sản phẩm.

2. “Xuất xứ của vật tư, máy móc, thiết bị” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ vật tư, máy móc, thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với vật tư, máy móc, thiết bị trong trường hợp có nhiều nước hoặc lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra vật tư, máy móc, thiết bị đó.

3. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh sự phù hợp (đáp ứng) của vật tư, máy móc, thiết bị theo yêu cầu, bao gồm: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của vật tư, máy móc, thiết bị: có thể chỉ cần yêu cầu các tài liệu chứng minh đối với một số vật tư, máy móc, thiết bị chủ yếu hoặc yêu cầu tài liệu chứng minh đối với tất cả vật tư, máy móc, thiết bị. Tài liệu để chứng minh có thể dưới hình thức bản vẽ, số liệu và văn bản khác, chẳng hạn:*

a) Bảng liệt kê chi tiết danh mục vật tư, máy móc, thiết bị đưa vào xây lắp;

b) Tài liệu về mặt kỹ thuật như tiêu chuẩn vật tư, máy móc, thiết bị, tính năng, thông số kỹ thuật, thông số bảo hành của từng loại (kèm theo bản vẽ để mô tả, nếu cần thiết), và các nội dung khác như yêu cầu nêu tại Chương VII;

c) Các nội dung yêu cầu khác (nếu có)].

⁽¹⁾ Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì không bắt buộc quy định mục này.

Mục 3. Khảo sát hiện trường⁽¹⁾

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSDX. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

Mục 4. Nội dung HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 5 Chương này;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 6 Chương này;
3. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại các chương từ Chương IV đến Chương VIII;
4. Đề xuất về tài chính, thương mại bao gồm: giá đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này.

Mục 5. Đơn đề xuất chỉ định thầu

Đơn đề xuất chỉ định thầu do nhà thầu chuẩn bị và được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, cụ thể như sau: _____ [Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh... đã được chứng thực].

Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định mục này. Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm.

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: _____ [Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 7 của Luật Đấu thầu, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...].

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được liệt kê theo các Mẫu số 4, 7A, 7B, 10, 11, 12, 13 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

3. Việc sử dụng lao động nước ngoài⁽¹⁾

Nhà thầu kê khai trong HSDX số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu nếu cần thiết theo Mẫu số 7C Chương III. Nhà thầu không được sử dụng lao động nước ngoài thực hiện công việc mà lao động trong nước có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ. Lao động nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Sử dụng nhà thầu phụ

Trường hợp nhà thầu dự kiến sử dụng nhà thầu phụ khi thực hiện gói thầu thì kê khai phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ theo Mẫu số 6 Chương III.

Mục 7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX⁽²⁾

1. Bên mời thầu sẽ xem xét đề xuất phương án kỹ thuật thay thế cho phương án kỹ thuật nêu trong HSYC trong quá trình đánh giá HSDX.

2. Khi nhà thầu đề xuất các phương án kỹ thuật thay thế vẫn phải chuẩn bị HSDX theo yêu cầu của HSYC (phương án chính). Ngoài ra, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết bao gồm bản vẽ thi công, giá đề xuất đối với phương án thay thế trong đó bóc tách các chi phí cấu thành, quy cách kỹ thuật, biện pháp thi công và các nội dung liên quan khác đối với phương án thay thế.

⁽¹⁾ Chỉ quy định khoản này khi gói thầu có yêu cầu về sử dụng lao động nước ngoài.

⁽²⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định mục này. Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì không quy định mục này.

Mục 8. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDX

Trừ các biện pháp thi công yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSYC, nhà thầu được đề xuất các biện pháp thi công cho các hạng mục công việc khác phù hợp với khả năng của mình và quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để hoàn thành công việc xây lắp theo thiết kế.

Mục 9. Giá đề xuất chỉ định thầu

1. Giá đề xuất chỉ định thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chỉ định thầu thuộc HSDX.

2. Giá đề xuất chỉ định thầu được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 8A, 8B Chương III. Đơn giá đề xuất phải bao gồm các yếu tố: _____ [*Nêu các yếu tố cấu thành đơn giá đề xuất, chẳng hạn đơn giá đề xuất là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí xây lắp khác được phân bổ trong đơn giá đề xuất như xây bến bãi, nhà ở công nhân, kho xưởng, điện, nước thi công, kể cả việc sửa chữa đền bù đường có sẵn mà xe, thiết bị thi công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra...*]

Trường hợp bảng tiên lượng bao gồm các hạng mục về bố trí lán trại, chuyển quân, chuyển máy móc, thiết bị... thì nhà thầu không phải phân bổ các chi phí này vào trong các đơn giá đề xuất khác mà được chào cho từng hạng mục này.]

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá đề xuất chỉ định thầu.

4. Phân tích đơn giá đề xuất theo yêu cầu sau⁽¹⁾: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu phân tích đơn giá của các hạng mục chính, hoặc nêu yêu cầu phân tích đơn giá đối với tất cả hạng mục trong bảng tiên lượng*]. Khi phân tích đơn giá, nhà thầu phải điền đầy đủ thông tin phù hợp vào Bảng phân tích đơn giá đề xuất theo Mẫu số 9A, 9B Chương III.

Mục 10. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX phải đảm bảo theo yêu cầu là _____ ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX [*Ghi rõ số ngày căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nhưng không được quy định quá 120 ngày*].

⁽¹⁾ Chỉ quy định khoản này khi yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá đề xuất.

Mục 11. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và _____ bản chụp HSDX [ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không quá 5 bản], ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang, có nội dung sai khác so với bản gốc hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở.

2. HSDX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất chỉ định thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Chương III.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

Mục 12. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDX

HSDX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Trên túi đựng HSDX nhà thầu ghi rõ các thông tin về tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu, tên gói thầu, "bản gốc" hoặc "bản chụp".

Mục 13. Thời hạn nộp HSDX

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX: ___ giờ, ngày ___ tháng ___ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp HSDX căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu].

2. Trường hợp nhà thầu cần gia hạn thời hạn nộp HSDX, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu để bên mời thầu xem xét, quyết định.

Mục 14. Đánh giá HSDX

Sau khi nhận được HSDX của nhà thầu, bên mời thầu sẽ tiến hành đánh giá HSDX theo các bước sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDX, gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 6 Chương này;

b) Tính hợp lệ của đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 5 Chương này;

c) Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (nếu có);

d) Có bản gốc HSDX theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương này;

đ) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDX: _____ [Nêu các yêu cầu khác (nếu có) căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu về tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDX].

2. HSDX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu vi phạm một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Mục này hoặc một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Đấu thầu và khoản 3, khoản 21 Điều 2 của Luật sửa đổi.

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo TCDG về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Mục 1 Chương II.

4. Đánh giá về mặt kỹ thuật HSDX đã vượt qua bước đánh giá về năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở các yêu cầu của HSYC và TCDG quy định tại Mục 2 Chương II.

5. Đánh giá về tài chính, thương mại bao gồm cả việc sửa lỗi (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 85/CP và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 85/CP để làm cơ sở đàm phán theo quy định tại Mục 15 Chương này.

Mục 15. Làm rõ HSDX và đàm phán về nội dung của HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu mời nhà thầu đến đàm phán, giải thích, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của HSDX nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện. Việc làm rõ nội dung của HSDX được thực hiện thông qua trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản).

2. Nội dung đàm phán

Bên mời thầu và nhà thầu đàm phán về các đề xuất của nhà thầu, chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể, khối lượng thừa hoặc thiếu trong bảng tiên lượng so với thiết kế do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX; đàm phán về việc áp giá đối với những sai lệch thiếu trong HSDX, việc áp giá đối với phần công việc mà tiên lượng tính thiếu so với thiết kế và các nội dung khác.

Nội dung làm rõ cũng như đàm phán HSDX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu quản lý như một phần của HSDX.

Mục 16. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực và kinh nghiệm theo HSYC;
- Có đề xuất về kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của HSYC căn cứ theo TCDG;

- Có giá đề nghị chỉ định thầu không vượt dự toán được duyệt cho gói thầu.

Mục 17. Thông báo kết quả chỉ định thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả cho nhà thầu trúng chỉ định thầu và gửi kèm theo kế hoạch thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ các vấn đề cần trao đổi khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 18. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh được nêu trong kế hoạch thương thảo, hoàn thiện hợp đồng quy định tại Mục 17 Chương này. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành ký kết hợp đồng.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà thầu trúng chỉ định thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Chương IX để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 20. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chỉ định thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình chỉ định thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật Đấu thầu, Chương X Nghị định 85/CP.

2. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả chỉ định thầu gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, nhà thầu sẽ phải nộp một khoản chi phí là 0,01% giá đề xuất nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: _____ [Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: _____ [Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: _____ [Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].

Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ [Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].

Mục 21. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Chương này bao gồm TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, TCDG về mặt kỹ thuật. TCDG dưới đây chỉ mang tính hướng dẫn. Khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo quy mô và tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp. TCDG phải công khai trong HSYC. Trong quá trình đánh giá HSDX phải tuân thủ TCDG nêu trong HSYC, không được thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.

Mục 1. TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” cả 3 nội dung nêu tại các khoản 1, 2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Các khoản 1, 2 và 3 chỉ được đánh giá “đạt” khi tất cả nội dung chi tiết trong từng điểm được đánh giá là “đạt”.

TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu ⁽¹⁾	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm⁽²⁾	
	<i>1.1. Kinh nghiệm chung về thi công xây dựng: Số năm hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng⁽³⁾</i>	
	<i>1.2. Kinh nghiệm thi công gói thầu tương tự: Số lượng các hợp đồng xây lắp tương tự đã thực hiện⁽⁴⁾ với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ trong thời gian _____ [Ghi số năm]⁽⁵⁾ năm gần đây. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có _____ [Ghi số hợp đồng]⁽⁴⁾ hợp đồng xây lắp tương tự với phần công việc đảm nhận trong liên danh.</i>	
2	Năng lực kỹ thuật	
	<i>2.1. Nhân sự chủ chốt⁽⁶⁾</i>	

	2.2. Thiết bị thi công chủ yếu ⁽⁷⁾	
3	Năng lực tài chính	
	3.1. Doanh thu	
	Doanh thu trung bình hàng năm trong ____ [Ghi số năm] ⁽⁸⁾ năm gần đây.	
	Trong trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của các thành viên trong liên danh.	
	3.2. Tình hình tài chính lành mạnh⁽⁹⁾	
	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh (chọn một hoặc một số chỉ tiêu tài chính phù hợp) ⁽¹⁰⁾ . Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh.	
	(a) số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗi trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo điểm 3.1 khoản này	từ ____ năm trở lên
	(b) hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	đạt mức ____
	(c) giá trị ròng	đạt mức ____
4	Các yêu cầu khác (nếu có)⁽¹¹⁾	

Ghi chú:

(1) Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định nội dung chi tiết về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu cho phù hợp.

(2) Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì quy định như khoản 1 Mục 1 Chương II Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH ngày 19/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(3), (5) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 3 đến 5 năm.

(4) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự. Đối với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên liên danh, tuy nhiên kinh nghiệm của mỗi thành viên chỉ xét theo phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận trong liên danh.

Hợp đồng xây lắp tương tự là hợp đồng trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về tính chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tương tự về tính chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét.

Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50%-70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu đảm bảo có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(6) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định các nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công. Yêu cầu đối với các vị trí nhân sự chủ chốt phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

(7) Yêu cầu về các thiết bị thi công chủ yếu được xác định theo phạm vi và tính chất của các công tác thi công trong gói thầu. Căn cứ đặc thù của gói thầu mà các thiết bị thi công chủ yếu có thể bao gồm thiết bị thi công công tác đất (máy đào, san ủi, đầm), thiết bị thi công nền, móng (gia cố nền, thi công cọc, móng), thiết bị vận tải (xe tải, xe ben), thiết bị vận tải nâng (cần cẩu, vận thăng), thiết bị định vị, đo đạc công trình (kinh vĩ, thủy bình), thiết bị cho công tác bê tông cốt thép (cốp pha, cắt uốn thép, trộn bê tông, vận chuyển, bơm bê tông, đầm bê tông), giàn giáo, máy hàn, máy bơm, máy phát điện dự phòng... Đối với mỗi loại thiết bị, cần nêu rõ yêu cầu về tính năng kỹ thuật, số lượng. Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

(8) Đối với yêu cầu về doanh thu:

- Thời gian yêu cầu thông thường là 3 năm đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu > 8 tỷ đồng hoặc từ 2 đến 3 năm đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng. Trong một số trường hợp có thể quy định 1 đến 2 năm đối với các nhà thầu mới thành lập.

- Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm:

a. Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = (Giá gói thầu / thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k

Thông thường yêu cầu hệ số k từ 1,5 đến 2 đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu > 8 tỷ đồng hoặc k = 1 đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng.

b. Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu x k

Thông thường yêu cầu hệ số k = 1,5 đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu > 8 tỷ đồng hoặc k = 1 đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng.

c. Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhận.

(9) Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì quy định như khoản 3.2 Mục 1 Chương II Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH ngày 19/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(10) Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu > 8 tỷ đồng, có thể quy định một số chỉ tiêu để đánh giá tình hình tài chính của nhà thầu với cách tính cụ thể như sau:

a. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu hoạt động không bị lỗ từ 1 đến 3 năm trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính.

b. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là cao hay thấp. Nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh. Hệ số này được tính bằng công thức:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{tài sản ngắn hạn}}{\text{tổng nợ ngắn hạn}}$$

Khi đánh giá, chỉ đánh giá hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của năm cuối cùng trong các năm tài chính gần đây theo yêu cầu của HSYC.

Yêu cầu về hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phải quy định > 1.

Trường hợp doanh nghiệp không có nợ ngắn hạn phải trả thì doanh nghiệp đó được coi là đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính đối với chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

c. Giá trị ròng (vốn chủ sở hữu) cho biết tình hình hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp, tính bằng công thức:

$$\text{Giá trị ròng} = \text{Tổng tài sản} - \text{tổng nợ phải trả}$$

Thông thường quy định mức tối thiểu là giá trị ròng phải dương.

(11) Yêu cầu khác mà chủ đầu tư xét thấy cần thiết để đảm bảo khả năng thực hiện gói thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Áp dụng TCDG theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

Căn cứ tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, chỉ sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí “đạt”, “không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chí “chấp nhận được” nhưng không được vượt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong TCDG.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”.

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất biện pháp thi công khác biện pháp thi công quy định trong HSYC thì phải quy định rõ cách đánh giá và TCDG tương ứng.

Chương III BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ ngày/tháng [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu*].

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 19 Chương I và Điều 3 Điều kiện của hợp đồng trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng chỉ định thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 21 Chương I của HSYC này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chỉ định thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chỉ định thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình đàm phán hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng chỉ định thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 5 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chỉ định thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/ 6/2009 của Quốc hội];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng chỉ định thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chỉ định thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh _____ [ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng chỉ định thầu

- Hủy đấu thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

⁽¹⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4**BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU⁽¹⁾**

Loại máy móc, thiết bị thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê ⁽²⁾	Chất lượng sử dụng hiện nay

Ghi chú:

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này.

(2) Trường hợp thuê máy móc, thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản cam kết hai bên,...). Trường hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì cần có giấy tờ chứng minh.

Mẫu số 5**BẢNG KÊ KHAI DỤNG CỤ, THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KIỂM TRA TẠI HIỆN TRƯỜNG THI CÔNG**

Loại dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Tính năng kỹ thuật	Nước sản xuất	Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay

Ghi chú: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phải kê khai thì bỏ Mẫu này. Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì không yêu cầu nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

Stt	Tên nhà thầu phụ (nếu có) ⁽²⁾	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc	Giá trị ước tính	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có)
1					
2					
3					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

(2) Trường hợp nhà thầu dự kiến được tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Trường hợp chưa dự kiến được thì để trống nhưng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối lượng công việc và giá trị ước tính dành cho nhà thầu phụ.

Mẫu số 7A

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Stt	Họ tên	Chức danh ⁽¹⁾
1		
2		
3		
...		

Ghi chú: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 7B.

Mẫu số 7B

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh⁽²⁾: _____

1 - Họ tên: _____ Tuổi: _____
2 - Bằng cấp: _____
Trường: _____ Ngành: _____
3 - Địa chỉ liên hệ: _____ Số điện thoại: _____

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Người khai
[ký tên]

(1), (2) Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Giám đốc điều hành

**BẢN KÊ KHAI SỬ DỤNG CHUYÊN GIA,
CÁN BỘ KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI**

Stt	Họ tên	Quốc tịch	Trình độ học vấn	Năng lực chuyên môn	Chức danh đảm nhiệm dự kiến	Thời gian thực hiện công việc dự kiến
1						
2						
3						
...						

Ghi chú: Trường hợp không sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài thì không kê khai vào Mẫu này.

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ ĐỀ XUẤT

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung công việc	Thành tiền
1	<i>Công tác thoát nước (Biểu giá chi tiết 1)</i>	
2	<i>Công tác nền đường (Biểu giá chi tiết 2)</i>	
3	<i>Công tác xử lý nền đất yếu (Biểu giá chi tiết 3)</i>	
...		
Cộng		
Thuế (<i>áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế</i>)		
TỔNG CỘNG		

Tổng cộng: _____ *[Ghi bằng số]*

Bằng chữ: _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu tổng hợp giá đề xuất được lập trên cơ sở các biểu chi tiết

BIỂU CHI TIẾT GIÁ ĐỀ XUẤT⁽¹⁾

Đơn vị tính: VND

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá đề xuất	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
...					
TỔNG CỘNG					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Có thể lập từng biểu chi tiết cho từng hạng mục chính, ví dụ cho công tác thoát nước...

Cột (2): Ghi các nội dung công việc như Bảng tiên lượng

Cột (4): Ghi đúng khối lượng được nêu trong Bảng tiên lượng

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét, không ghi chung vào biểu này.

PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ ĐỀ XUẤT⁽¹⁾
Đối với đơn giá xây dựng chi tiết
Hạng mục công việc: _____

Đơn vị tính: VND

Mã hiệu đơn giá	Mã hiệu VL, NC, M	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
DG.1		Chi phí VL					
	VL.1						
	VL.2						
	...						
		Cộng				<i>VL</i>	
		Chi phí NC (<i>theo cấp bậc thợ bình quân</i>)	công			<i>NC</i>	
		Chi phí MTC					
	M.1		ca				
	M.2		ca				
	...						
		Cộng				<i>M</i>	
	TỔNG CỘNG						Σ_l

Ghi chú: (1) Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Trường hợp đơn giá được tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.

Cột (6): Là đơn giá do nhà thầu đề xuất, không phải là đơn giá do Nhà nước quy định.

PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ ĐỀ XUẤT⁽¹⁾
Đối với đơn giá xây dựng tổng hợp
Hạng mục công việc: _____

Đơn vị tính: VND

Mã hiệu đơn giá	Thành phần công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành phần chi phí			Tổng cộng
				Vật liệu	Nhân công	Máy	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
DG.1							Σ_1
DG.2							
DG.3							
...							
	Cộng			<i>VL</i>	<i>NC</i>	<i>M</i>	Σ

Ghi chú:

(1) Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Trường hợp đơn giá được tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.

Cột (5), (6), (7): Là đơn giá do nhà thầu đề xuất, không phải là đơn giá do Nhà nước quy định.

HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [*Ghi tên đầy đủ của nhà thầu*]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]
Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền] VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng] [Ghi số tiền] VND
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư] [Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại khoản 1.2 Mục 1 Chương II ⁽²⁾	
1. Loại, cấp công trình	[Ghi thông tin phù hợp]
2. Về giá trị	[Ghi số tiền] VND
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]
4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công	[Mô tả về độ phức tạp của công trình]
5. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác theo Chương IV]

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THẦU

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

2. Tổng số năm kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng:

Tổng số năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực hoạt động xây dựng
đối với gói thầu này: _____

3. Tổng số lao động hiện có:

a) Trong hoạt động chung của doanh nghiệp: _____

b) Trong lĩnh vực xây lắp: _____

Trong đó, cán bộ chuyên môn: _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì không yêu cầu nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II].

Đơn vị tính: VND

Stt		Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II];
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II];
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II];
4. Báo cáo kiểm toán.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Chương IV

GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

1. Giới thiệu về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án
- Chủ đầu tư
- Nguồn vốn
- Quyết định đầu tư
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu

b) Địa điểm xây dựng

- Vị trí
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông...

c) Quy mô xây dựng

- Loại công trình và chức năng
- Quy mô và các đặc điểm khác

2. Giới thiệu về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu

b) Thời hạn hoàn thành.

Chương V

BẢNG TIÊN LƯỢNG

Chương này liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá đề xuất chỉ định thầu.

Stt	Hạng mục, nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				<i>(Có thể nêu yêu cầu kỹ thuật tham chiếu)</i>
2				
...				

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá đề xuất chỉ định thầu.

Ghi chú:

1. Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong dự toán thiết kế để cấu trúc thành bảng tiên lượng, nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên nêu chi tiết.

2. Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc thanh toán sau này (trọn gói/nghiệm thu theo bản vẽ thi công, theo thực tế,...)

3. Những công việc tương tự hoặc trong chu trình thi công liên tục để hình thành sản phẩm xây lắp thì nên cấu trúc để nhà thầu chào dưới dạng đơn giá tổng hợp.

4. Khi lập Bảng tiên lượng đối với gói thầu lớn, nên phân thành nhóm công việc tương tự, như công tác chuẩn bị, công tác đất đá, công tác ngầm, công tác bê tông, công tác kết cấu thép,...

Ví dụ: Đối với công tác bê tông, thường lập dự toán phân vữa, biện pháp đổ cầu, thủ công, hoặc bơm, công tác cốt pha riêng nhưng Bảng tiên lượng chỉ nên đưa thành một mục là bê tông. Trong trường hợp này, trong cột Ghi chú có thể nêu: “Thuyết minh tại mục ... trong Chương VII - Yêu cầu về mặt kỹ thuật” hoặc “Phạm vi công việc bao gồm toàn bộ các chi phí vữa, biện pháp thi công, chi phí cốt pha để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật”.

Chương VI
YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Chương này nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

Stt	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
4			
...			

Chương VII

YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu tư kèm theo các tài liệu làm cơ sở của quyết định đầu tư, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thiết kế và các tài liệu hướng dẫn kèm theo, các quy định pháp luật về đấu thầu.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;*
- 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;*
- 3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);*
- 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;*
- 5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;*
- 6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);*
- 7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;*
- 8. Yêu cầu về an toàn lao động;*
- 9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;*
- 10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;*
- 11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;*
- 12. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.*

Chương VIII CÁC BẢN VẼ

Chương này liệt kê các bản vẽ ⁽¹⁾

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ ngày phát hành
1			
2			
3			
...			

Ghi chú: (1) Chủ đầu tư căn cứ pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.

Phần thứ hai
YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương IX
ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*].
4. “Nhà thầu” là _____ [*Ghi tên nhà thầu trúng chỉ định thầu*].
5. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc xây dựng đã được dự kiến trong HSDX.
6. “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Nhà thầu tư vấn giám sát là _____ [*Ghi tên nhà thầu tư vấn giám sát*].
7. “Ngày khởi công” là ngày mà chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.
8. “Thời gian hoàn thành” là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
9. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
10. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình do lỗi của nhà thầu.
11. “Biên bản nghiệm thu” là biên bản được phát hành theo Điều 24 Chương này.
12. “Công trường” là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử

⁽¹⁾ Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu > 8 tỷ đồng thì áp dụng các nội dung quy định tại Chương X và Chương XI Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-BKH ngày 06/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

dụng để thi công công trình: _____ [Ghi địa điểm công trường].

Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng và Luật áp dụng

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật của Việt Nam.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

a) Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng, hoặc sau khi ký hợp đồng nhưng trước ngày hợp đồng có hiệu lực...].

b) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một trong các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Ví dụ, việc yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức nộp thư bảo lãnh của ngân hàng:

Nếu yêu cầu nhà thầu phải nộp bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung theo Mẫu số 15 Chương X. Nếu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện].

c) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá hợp đồng [Ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu và tối đa là 10% giá hợp đồng; trường hợp để phòng ngừa rủi ro cao thì giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải cao hơn nhưng không quá 30% giá hợp đồng].⁽¹⁾

d) Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____.

[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

⁽¹⁾ Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì quy định như điểm c khoản 1 Điều 3 Chương IX Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH ngày 19/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn _____ [Ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu.

Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn _____ ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.]

Điều 4. Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng là: _____ [Ghi một hoặc các hình thức hợp đồng phù hợp và nguyên tắc thanh toán đối với từng hình thức. Đối với hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. Đối với hợp đồng theo đơn giá, nhà thầu được thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế đã thực hiện].

Điều 5. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Danh sách các nhà thầu phụ bao gồm: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ].

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không vượt quá _____ giá hợp đồng [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi phần trăm cho phù hợp. Nhà thầu phụ không thực hiện toàn bộ công việc của gói thầu].

3. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDX.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ, nếu có].

Điều 6. Nhân sự của nhà thầu

1. Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong danh sách cán bộ chủ chốt để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp có lý do chính đáng, năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách.

Danh sách cán bộ chủ chốt bao gồm: _____ [Ghi danh sách cán bộ chủ chốt phù hợp với Danh sách cán bộ chủ chốt như kê khai trong HSDX].

Điều 7. Bồi thường thiệt hại

1. Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho chủ đầu tư, nhân viên của chủ đầu tư đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng của bất kỳ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng được xác định do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

Điều 8. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 Chương này.

Điều 9. Bảo hiểm

Yêu cầu về bảo hiểm: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...*].

Điều 10. An toàn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tư vấn giám sát

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian _____ [*Ghi số ngày*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau: _____ [*Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...*].

Điều 13. Tiến độ thực hiện

1. Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày _____ [*Ghi ngày giao công trường*].

2. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công _____ [*Ghi ngày dự kiến khởi công*]. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến _____ [*Ghi ngày hoàn thành dự kiến*].

Điều 14. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 13 Chương này;

b) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 Chương này mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

d) Các trường hợp khác _____ [*Ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác, nếu có*].

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

Điều 15. Chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị ⁽¹⁾

1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị _____ [*Ghi vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm, nếu có*] để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.

3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 16. Xử lý sai sót ⁽²⁾

1. Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc

^{(1), (2)} Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 8 tỷ đồng thì quy định như Điều 15 và Điều 16 Chương IX Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH ngày 19/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

2. Trường hợp tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu tiến hành một thí nghiệm mà không quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật để kiểm tra bất kỳ công việc nào xem có sai sót không và việc kiểm tra cho thấy có sai sót, thì nhà thầu phải thanh toán chi phí về thí nghiệm. Nếu không có sai sót, chi phí này sẽ được tính vào giá hợp đồng để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

Điều 17. Bảo hành công trình

1. Thời hạn bảo hành công trình là _____ [*Ghi thời hạn bảo hành công trình*] được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình _____ [*Ghi yêu cầu về bảo hành công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng*].

3. Trong thời hạn bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 18. Biểu giá hợp đồng

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.⁽¹⁾

Điều 19. Điều chỉnh giá hợp đồng

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện như sau: _____ [*Việc điều chỉnh giá hợp đồng áp dụng đối với hình thức theo đơn giá. Trong Mục này cần quy định rõ nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá. Cần quy định sử dụng báo giá, hoặc chỉ số giá của các cơ*

(1) Trường hợp áp dụng hình thức trọn gói, cần quy định thêm: “Khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng.”

quan có thẩm quyền tại địa phương, Trung ương hoặc cơ quan chuyên ngành độc lập của nước ngoài ban hành đối với các chi phí có nguồn gốc từ nước ngoài. Có thể áp dụng công thức điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá.

Trong Mục này cũng cần quy định việc điều chỉnh giá được thực hiện thông qua điều chỉnh đơn giá hoặc điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá.]

Điều 20. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

Điều 21. Tạm ứng

1. Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu: _____ [Ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương X].

2. Hoàn trả tiền tạm ứng: _____ [Ghi cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Ví dụ, tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho nhà thầu trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình...].

Điều 22. Thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:

1. Hình thức thanh toán _____ [Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản ...].

2. Thời hạn thanh toán _____ [Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu].

3. Phương thức thanh toán: [Căn cứ hình thức hợp đồng quy định tại Điều 4 Chương này mà quy định cụ thể nội dung này, đồng thời, cần quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán. Ví dụ:

a) Đối với phần công việc _____ [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói.

Việc thanh toán được thực hiện như sau: _____ [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán ____ lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình.

b) Đối với phần công việc _____ [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá.

Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá trong Biểu giá hoặc đơn giá điều chỉnh theo quy định tại Điều 19 Chương này nhân với khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện.

Việc thanh toán được thực hiện như sau: _____ [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán ____ lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình].

Điều 23. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là _____ [Ghi mức phạt] cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá _____ [Ghi tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình]. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

2. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được thực hiện như sau: _____ [Nêu yêu cầu về phạt vi phạm hợp đồng trong trường hợp này, nếu có].

3. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: _____ [Nêu yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng...].

Điều 24. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong thời gian _____ [Ghi số ngày] kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

Điều 25. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong _____ ngày [*Ghi số ngày*] trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá: _____ [*Ghi số ngày*];

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác: _____ [*Nêu hành vi khác, nếu có*].

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 26. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 25 Chương này, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 25 Chương này hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu.

Chương X
MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 14

Hợp đồng ⁽¹⁾

(Văn bản hợp đồng xây lắp)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội)

Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội);

Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội);

Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội);

Căn cứ ⁽²⁾ ____ (Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng);

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chỉ định thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng chỉ định thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư] _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

⁽¹⁾ Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKKHĐ.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Mã số thuế: _____
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường
hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng chỉ định thầu]: _____
Địa chỉ: _____
Điện thoại: _____
Fax: _____
E-mail: _____
Tài khoản: _____
Mã số thuế: _____
Đại diện là ông/bà: _____
Chức vụ: _____
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường
hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các phụ lục khác, nếu có);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu;
4. Điều kiện của hợp đồng;
5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng chỉ định thầu (nếu có);
6. HSYC và các tài liệu bổ sung HSYC (nếu có);
7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong ĐKHD.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong ĐKHD cũng

như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKHD.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong Điều 22 ĐKHD.

Điều 6. Hình thức hợp đồng _____

[*Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 4 ĐKHD*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng _____

[*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 2 Mục 1 Chương I, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với ngày khởi công được quy định tại khoản 2 Điều 13 ĐKHD*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

BIỂU GIÁ

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu của HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Tùy tính chất và quy mô của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần: phần công việc áp dụng hình thức trọn gói, phần công việc áp dụng hình thức theo đơn giá...].

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng chỉ định thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh, thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng chỉ định thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 3 ĐKHD.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

[*Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện của hợp đồng, _____ [*Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾ hoặc khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 21 ĐKHD.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Điều 21 ĐKHD.